| | |
|---|---|
| **TÒA PHÚC THẨM**<br>**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**<br>**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 589/2026/HC-PT
Ngày: 22 – 5 - 2026
*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**
**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Công Mười

*Các Thẩm phán:* Ông Chung Văn Kết

Ông Cao Văn Tám

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 265/2026/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 845/2025/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2171/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Công ty TNHH R.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Karl Michael S – Giám đốc – Có mặt.

Địa chỉ trụ sở: Số D đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: C B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1999 – Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Phạm Nguyên Kim P – Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H – Có mặt.

Cùng địa chỉ: C B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1. Đội Hải quan Chuyển phát nhanh – Chi cục Hải quan Khu vực I.

2. Đội trưởng Đội Hải quan Chuyển phát nhanh – Chi cục Hải quan Khu vực I.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Minh T – Phó Đội trưởng Đ1 – Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Ông Trần Mạnh T1 – Công chức Hải quan Chuyển phát nhanh – Vắng mặt.

- Bà Bùi Thị H - Công chức Hải quan Chuyển phát nhanh – Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Thu H1 - Công chức Hải quan Chuyển phát nhanh – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số F đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người phiên dịch:* Bà Dương Thị Hằng N – Có mặt.

Địa chỉ: Số B Lô D, Ấ, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Người khởi kiện Công ty TNHH R – đại diện theo pháp luật ông Karl Michael S trình bày tại Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung:***

Công ty TNHH R (sau gọi tắt là "Công ty R1") là đơn vị thường xuyên mở tờ khai hải quan tại C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực I) (viết tắt là "C2") và từ khi bắt đầu nhập khẩu vào tháng 8/2023 đến nay thì Công ty đã thực hiện việc nộp tờ khai tại C2 được 16 lần.

Mỗi một lần nộp tờ khai hải quan, bên cạnh việc nộp phí hải quan 20.000 (hai mươi nghìn) đồng thì nhân viên Công ty phải nộp thêm một loại phí không tên cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại CCHQCPN HCM với số tiền là 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Và cũng chính vì sự mập mờ của loại phí này là không có biên lai, chứng từ rõ ràng nên nhân viên Công ty không thể đề xuất cho bộ phận kế toán ghi nhận vào chi phí của công ty mà phải tự dùng tiền cá nhân để chỉ trả loại phí này. Theo đó, tổng số tiền mà cán bộ C2 đã thu không rõ lý do từ nhân viên Công ty là 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng (theo danh sách liệt kê số tiền thu trên mỗi một lần thu).

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, mặc dù Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về việc khai báo hải quan, nộp thuế và phí hải quan, nhưng các kiện hàng của Công ty đều bị trì hoãn thông quan đến nhiều ngày mà không rõ lý do, làm phát sinh thiệt hại liên quan đến vấn đề

kho bãi, việc trì hoãn diễn ra rất nhiều lần đã ảnh hưởng xấu đến tiến độ công việc, tình hình hoạt động của Công ty khiến Công ty rất bức xúc.

Ngày 12/11/2024, Công ty đã trao đổi trực tiếp với C2 về việc này để yêu cầu C3 phải giải quyết dứt điểm các vấn đề bất cập nêu trên đối với Công ty, đồng thời yêu cầu giải quyết việc hoàn trả lại số tiền đã thu dư. Tuy nhiên, C2 không giải quyết và từ chối luôn việc trả lại số tiền trên.

Ngày 17/12/2024, Công ty đã gửi Đơn khiếu nại đến C2 để yêu cầu C2 phải giải quyết toàn bộ các vấn đề nêu trên, trong đơn khiếu nại. Công ty cũng đã liệt kê một số tờ khai tiêu biểu vì bị trì hoãn không lý do để CCHQCPN HCM xem xét giải quyết.

Ngày 30/12/2024, C2 ban hành Công văn số 1959/CPN-ĐTTHCPN phản hồi kết quả không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty.

Qua diễn biến sự việc nêu trên và căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành, C2 đã có hàng loạt hành vi trái quy định pháp luật trong quá trình thông quan hàng nhập cảnh, có hành vi gây khó khăn, sách nhiễu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, cụ thể như sau:

* **Thứ nhất: Cán bộ hải quan C2 thu số tiền phí 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng mà không có lý do, chứng từ, biên lai là trái quy định pháp luật**:

Căn cứ biểu mức thu phí hải quan và phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh theo Thông tư số 14/2021/TT-BTC quy định: *"Phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là 20.000 đồng/tờ khai"*. Theo đó, quy định pháp luật chỉ yêu cầu đóng một loại phí hải quan 20.000 (hai mươi nghìn) đồng trên một tờ khai và Công ty đã chấp hành việc đóng loại phí này, việc đóng phí có kèm theo chứng từ, biên lai rõ ràng, minh bạch.

Tuy nhiên, không hiểu vì lý do gì mà ngoài loại phí hải quan trên thì khi nộp hồ sơ hải quan, nhân viên Công ty lại bị cán bộ C2 yêu cầu nộp thêm một loại phí với số tiền là 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Và đến nay khi đã nộp tờ khai tại C2 rất nhiều lần nhưng Công ty vẫn không biết đây là loại phí gì, việc thu phí nhằm mục đích gì, vì trong tất cả các lần thu đều không có biên lai, chứng từ nào cho việc thu phí này. Việc thu phí vô lý này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần đối với Công ty, và nếu không nộp loại phí này thì hồ sơ hải quan tại C2 sẽ không được giải quyết.

Và cũng chính vì sự mập mờ của loại phí này là không có biên lai, chứng từ rõ ràng nên nhân viên Công ty không thể đề xuất cho bộ phận kế toán ghi nhận vào chi phí của công ty mà phải tự dùng tiền cá nhân để chi trả loại phí này. Theo đó, tổng số tiền mà cán bộ C2 đã thu không rõ lý do từ nhân viên Công ty là 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

* **Thứ hai: Dù đã tiếp nhận đủ hồ sơ hải quan cũng như hàng hoá nhưng C2 vẫn cố tình trì hoãn việc kiểm tra dẫn đến việc chậm trễ thông**

**quan hàng hoá nhằm gây khó khăn cho Công ty, khiến Công ty chịu thiệt hại liên quan đến chi phí lưu kho bãi:**

1. Nhiều tờ khai hải quan dù đã đầy đủ về hồ sơ, chứng từ, hàng hoá nhưng vẫn bị trì hoãn và chậm kiểm tra mà không rõ lý do

Thông thường, việc giải quyết thông quan tờ khai chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nhất định, hoặc nếu chậm thông quan sẽ cần có lý do rõ ràng để các doanh nghiệp sửa đổi bổ sung hồ sơ tờ khai cho hợp lệ, tuy nhiên, nhiều kiện hàng của Công ty dù đáp ứng về tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ, hàng hoá nhưng vẫn bị trì hoãn thông quan mà không có một lý do nào từ C2. Đặc biệt, hàng hoá mà Công ty nhập khẩu đều mang tính nhỏ lẻ và có giá trị thấp, không thuộc hàng hóa đặc biệt cần nhiều thời gian để kiểm tra, giám sát.

Từ năm 2023 đến nay, Công ty có đến 3 tờ khai thuộc luồng 2 và 3 tờ khai thuộc luồng 3 bị chậm kiểm tra, thời gian hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ và hàng hoá như sau:

- Tờ khai thuộc luồng 2:

- Tờ khai số: 105763418350, đăng ký ngày 06/10/2023 (09:28:16), nộp hồ sơ chứng từ ngày 06/10/2023, hoàn thành kiểm tra ngày 09/10/2023 (10:53:26);

- Tờ khai số: 105892552731, đăng ký ngày 20/11/2023 (16:13:20), chỉnh sửa, bổ sung ngày 20/11/2023 (16:44:00), nộp hồ sơ bổ sung ngày 21/11/2023, hoàn thành kiểm tra ngày 22/11/2023 (11:46:30);

- Tờ khai số: 106502155100, đăng ký ngày 15/8/2024 (13:22:31), nộp hồ sơ chứng từ ngày 15/8/2024, hoàn thành kiểm tra ngày 19/8/2024 (09:10:13).

- Tờ khai thuộc luồng 3:

- Tờ khai số: 105676565961, đăng ký ngày 25/08/2023 (13:44:26), chỉnh sửa, bổ sung ngày 28/8/2023 (14:17:39), nộp hồ sơ bổ sung ngày 28/8/2023, xuất trình hàng hoá ngày 29/8/2023, hoàn thành kiểm tra ngày 31/8/2023 (14:58:29);

- Tờ khai số: 106009357531, đăng ký ngày 08/01/2024 (14:06:09), chỉnh sửa, bổ sung ngày 10/01/2024 (14:27:24), nộp hồ sơ bổ sung ngày 10/01/2024, xuất trình hàng hoá ngày 11/01/2024, hoàn thành kiểm tra ngày 12/01/2024 (15:35:21);

- Tờ khai số: 106679964530, đăng ký ngày 28/10/2024 (14:27:58), nộp hồ sơ chứng từ ngày 28/10/2024, xuất trình hàng hoá ngày 29/10/2024, hoàn thành kiểm tra ngày 01/11/2024 (15:53).

Căn cứ khoản 8 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định:

*"Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ T2 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:*

*...*

*8. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:*

*"Điều 19. Đăng ký tờ khai hải quan*

*...*

*3. Phân luồng tờ khai*

*a) Tờ khai hải quan điện tử:*

*a.1) Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:*

*...*

*a.1.2) Kiểm tra các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình hoặc các chứng từ có liên quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (luồng 2);*

*a.1.3) Kiểm tra thực tế hàng hóa trên cơ sở kiểm tra các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình hoặc các chứng từ có liên quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (luồng 3);*

*...".*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan 2014 quy định:

*"Điều 23. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan*

*1. Cơ quan hải quan tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan theo quy định của Luật này.*

*2. Sau khi người khai hải quan thực hiện đầy đủ các yêu cầu để làm thủ tục hải quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật này, thời hạn công chức hải quan hoàn thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải được quy định như sau:*

*a) Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan,*

*b) Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hóa cho cơ quan hải quan.*

*...".*

Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định:

*"Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC...*

*...*

*9. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:*

*"Điều 20. Khai bổ sung hồ sơ hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*

*...*

*2. Thủ tục khai bổ sung*

*...*

*b) Trách nhiệm của cơ quan hải quan:*

*6.1) Đối với khai bổ sung trong thông quan:*

*b.1.1) Tiếp nhận hồ sơ khai bổ sung trên Hệ thống:*

*b.1.2) Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận đủ hồ sơ khai bổ sung, công chức hải quan hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ khai bổ sung thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan và thông báo kết quả kiểm tra thông qua Hệ thống, trường hợp không chấp nhận nội dung khai bổ sung thì phải nêu rõ lý do từ chối*

*...".*

Căn cứ khoản 1 Điều 21 Luật Hải quan 2014 quy định:

*"Điều 21. Thủ tục hải quan*

*1. Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan có trách nhiệm:*

*a) Khai và nộp tờ khai hải quan, nộp hoặc xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 24 của Luật này;*

*b) Đưa hàng hóa, phương tiện vận tải đến địa điểm được quy định để kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải;*

*...".*

Theo đúng quy định pháp luật, C2 phải kiểm tra hồ sơ hải quan ngay sau khi nhận được hồ sơ hải quan đó, đối với các tờ khai thuộc luồng 2 là luồng chỉ kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan thì trong vòng 02 giờ làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hải quan thì C2 phải hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ này. Trường hợp có chỉnh sửa, bổ sung tờ khai thì thời gian hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ khai bổ sung cũng là 02 giờ làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ khai bổ sung. Nhưng khi nhận đủ hồ sơ hải quan, hồ sơ khai bổ sung của Công ty C2 đã không hoàn thành kiểm tra trong vòng 02 giờ làm việc, mà lại trì hoãn việc kiểm tra, kéo dài thời gian lên nhiều ngày, không chỉ một mà rất nhiều tờ khai đã bị trì hoãn. Trong suốt thời gian trì hoãn, Công ty cũng không nhận được thông báo hay phản hồi nào về lý do chậm trễ trong việc kiểm tra.

Còn đối với các tờ khai thuộc luồng 3 là luồng phải kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hoá thì thời gian để hoàn thành việc kiểm tra này là 02 giờ làm việc, kể từ thời điểm hải quan nhận đủ hồ sơ hải quan hoặc hồ sơ khai bổ sung, sau đó hoàn thành kiểm hàng trong vòng 08 giờ làm việc, kể từ thời điểm Công ty xuất trình hàng hoá. Vậy mà dù Công ty đã xuất trình đủ hàng để bên CCHQCPN HCM kiểm tra thực tế thì phải mất nhiều ngày để hoàn thành việc kiểm tra thực tế này. Tương tự, Công ty cũng không nhận được thông báo hay phản hồi nào về lý do chậm tiến độ kiểm tra đối với các tờ khai thuộc luồng 3 nêu trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Luật Hải quan 2014 quy định:

*"Điều 37. Thông quan hàng hóa*

*1. Hàng hóa được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan".*

Theo đó, hàng hoá sẽ được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục liên quan đến việc kiểm tra và nộp thuế, thế nên việc C2 không giải quyết, giải quyết chậm, cố tình kéo dài thời gian kiểm tra để gây khó khăn cho Công ty đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thông quan hàng hoá của Công ty. Chính sự trì hoãn vô lý này mà Công ty phải chịu nhiều thiệt hại, trong đó, Công ty phải tốn nhiều tiền hơn để chi trả chi phí lưu trữ hàng hoá phát sinh cho các đơn vị vận chuyển hàng hoá do bị chậm thông quan tờ khai để lấy hàng.

2. CCHQCPN HCM có phát hiện sai sót cần điều chỉnh tờ khai nhưng lại không thông báo trên hệ thống, không nêu rõ lý do tạm ngừng thủ tục để làm tờ khai bổ sung trên hệ thống.

Từ khi Công ty bắt đầu mở tờ khai tại C2 đến nay là đã 18 tháng với 16 tờ khai hải quan, trong đó 6 tờ khai phải điều chỉnh, bổ sung nhưng chỉ có duy nhất 01 tờ khai nhận được chỉ thị yêu cầu chỉnh sửa trên hệ thống, còn toàn bộ các tờ khai còn lại đều không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ C2.

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định:

*"Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC...*

*...*

*19. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:*

*"Điều 30. Xử lý kết quả kiểm tra hải quan*

*...*

*2. Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa không phù hợp với nội dung khai hải quan trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan hải quan xử lý vi phạm (nếu có) và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai bổ sung hồ sơ hải quan theo kết quả kiểm tra thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:*

*...*

*b.3) Đối với các trường hợp khác:*

*b.3.1) Trường hợp hàng hóa chưa đưa qua khu vực giám sát hải quan: không tiếp tục làm thủ tục hải quan và thông báo nêu rõ lý do cho người khai hải quan thông qua Hệ thống hoặc bằng văn bản đối với tờ khai hải quan giấy;*

*...".*

Theo đó, sau khi kiểm tra hồ sơ, cán bộ C2 có nghĩa vụ thông báo cho Công ty T3 hệ thống yêu cầu khai bổ sung hồ sơ hải quan theo kết quả kiểm tra, đồng thời, cũng phải nêu rõ lý do tạm ngừng thủ tục hải quan thông qua hệ thống để Công ty cập nhật tình hình các kiện hàng. Cho nên, việc C2 không

phản hồi, không yêu cầu khai bổ sung hồ sơ hải quan cũng như không nêu rõ lý do chậm trễ thông quan trên hệ thống cho Công ty là trái quy định pháp luật.

Để nắm được tình hình, tiến độ thông quan của các tờ khai, Công ty B phải cử nhân viên đến trực tiếp trụ sở C2 để hỏi thì mới được cán bộ C2 thông báo rằng tờ khai có sai sót và yêu cầu chỉnh sửa. Tuy nhiên, cán bộ C2 lại không đề cập cụ thể là lỗi sai gì và cần sửa thế nào cho phù hợp. Một lần nữa, cán bộ C2 tiếp tục gây khó khăn cho Công ty trong vấn đề điều chỉnh các tờ khai này, Công ty phải tự mình rà soát và điều chỉnh tờ khai nhiều lần mà vẫn không biết liệu đâu mới là những lỗi cần sửa theo yêu cầu của cán bộ C2.

Và phải đến khi tự sửa quá nhiều lần nhưng vẫn chưa phù hợp với yêu cầu mơ hồ của cán bộ CCHQCPN HCM, thì cuối cùng tờ khai số: 106705165715 đăng ký vào lúc 16:32:32 ngày 06/11/2024 mới được cán bộ CCHQCPN HCM phản hồi chi tiết nội dung cần điều chỉnh trên hệ thống cho Công ty vào ngày 11/11/2024. Việc cán bộ C2 cố tình không phản hồi, phản hồi chậm trên hệ thống khiến Công ty mất rất nhiều thời gian, công sức và tiền bạc, kiện hàng cũng bị trễ thông quan làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ công việc và tình hình hoạt động của công ty.

Và khi bị Công ty khiếu nại, C2 cũng không xem xét toàn diện vấn đề mà ban hành Công văn số 1959/CPN-ĐTTHCPN khẳng định rằng C2 đã thực hiện các thủ tục kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hoá đúng theo quy định là không có cơ sở. Bởi chỉ với 5 tờ khai tiêu biểu được Công ty nêu trong đơn khiếu nại cũng tồn đọng nhiều vấn đề vi phạm của C2 cả về kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế, cụ thể những vi phạm đó là toàn bộ các hành vi mà Công ty đã phân tích nêu trên.

Như vậy, C2 là nơi trực tiếp thực hiện thủ tục hải quan nhưng lại có hành vi trái quy định pháp luật, cụ thể là cố tình gây khó khăn, làm khó làm dễ khi yêu cầu doanh nghiệp nộp một loại phí không tên và cũng không có biên lai, chứng từ rõ ràng; cố tình kéo dài thời gian kiểm tra hải quan (bao gồm cả kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hoá) một cách vô lý; và đồng thời không thực hiện việc thông báo yêu cầu điều chỉnh trên hệ thống khi tờ khai có thông tin chưa phù hợp. Chính những điều đó đã gây ra muôn vàn khó khăn cho Công ty, khiến Công ty không chỉ bị thiệt hại về thời gian, công sức mà còn cả tiền bạc để chi trả trong quá trình hàng hoá bị trì hoãn kéo dài và để chi trả các chí phí theo đuổi giải quyết vụ án này.

Chính vì những lẽ trên, Công ty R1 khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Tuyên các hành vi gây khó khăn gồm hành vi cố tình trì hoãn việc kiểm tra dẫn đến việc chậm trễ thông quan hàng hoá, hành vi không thông báo lỗi sai cần điều chỉnh trên hệ thống, hành vi không nêu rõ lý do tạm ngừng thủ tục để làm tờ khai bổ sung trên hệ thống và hành vi thu số tiền phí 1.600.000 *(một triệu sáu trăm nghìn)* đồng mà không có lý do, chứng từ, biên lai của C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực II) đối với Công ty TNHH R trong suốt quá trình thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng vào Việt

Nam.Tuyên huỷ Công văn số 1959/CPN-ĐTTHCPN của C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực II) ngày 30/12/2024 về việc không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của Công ty TNHH R.

- Yêu cầu C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực I) phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền là 1.600.000 *(một triệu sáu trăm nghìn)* đồng (trong 16 lần thu, với số tiền 100.000 *(một trăm nghìn)* đồng trên một lần thu) mà C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực I) đã thu dư từ các nhân viên của công ty.

- Yêu cầu C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực I) thanh toán chi phí Luật sư với số tiền là 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng mà Công ty TNHH R đã chỉ trả để giải quyết vụ án.

**** Đội Hải quan Chuyển phát nhanh – Chi cục Hải quan khu vực I có ý kiến trình bày tại Văn bản số 1022/CPN-TTHCPN ngày 19/9/2025 như sau:***

**1. Nội dung vụ việc khiếu nại ngày 23/12/2024:**

Ngày 23/12/2024, C1 (nay là Hải quan Chuyển phát nhanh) nhận được đơn khiếu nại đề ngày 17/12/2024 của Công ty TNHH R khiếu nại Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh cố tình gây khó khăn làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty đối với 05 tờ khai số: 106494648631 ngày 13/08/2024; 106502155100 ngày 15/05/2024; 106506631342 ngày 17/08/2024; 106679964530 ngày 28/10/2024 và 106686028740 ngày 30/10/2024 và đề nghị hoàn trả 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) với 16 lần thu đối với 16 tờ khai của doanh nghiệp đã làm thủ tục tại Chi cục.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Hải quan Chuyển phát nhanh đã tiến hành mời doanh nghiệp đến làm việc.

Ngày 25/12/2024, đại diện doanh nghiệp là Ông Karl Michael S – Giám đốc Công ty và đại diện Văn phòng Luật đã đến làm việc cùng với Lãnh đạo Chi cục và Lãnh đạo Đội Thủ tục hàng hóa Chuyển phát nhanh. Tại buổi làm việc, cơ quan Hải quan đã giải thích và phân tích cho đại diện Công ty Q, thời gian làm thủ tục hải quan cho 05 tờ khai nhập khẩu nêu tại đơn khiếu nại. Theo quy định, cơ quan Hải quan chỉ tiếp nhận, làm thủ tục cho các tờ khai sau khi được hệ thống tiếp nhận, phân luồng và doanh nghiệp nộp đủ chứng từ thuộc bộ tờ khai. Đối với việc hàng hóa của doanh nghiệp bị chậm trễ trong quá trình vận chuyển, hoặc mở tờ khai trễ sau khi hàng về đến Việt Nam không thuộc trách nhiệm của cơ quan Hải quan.

Hải quan Chuyển phát nhanh cũng đã yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thông tin, chứng cứ liên quan đến việc công chức Hải quan gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục cũng như chứng minh cơ quan Hải quan có hành vi gây khó khăn làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty như nội dung đã khiếu nại và đề nghị cho đối chất giữa công chức hải quan làm thủ tục với nhân viên Công ty.

Tuy nhiên, ông Karl Michael S không cung cấp được bằng chứng để chứng minh, không đồng ý cung cấp thông tin nhân viên đi làm thủ tục hải quan và yêu cầu cơ quan Hải quan không được tìm cách liên hệ nhân viên Công ty.

Kết thúc buổi làm việc, ông Karl Michael S không đồng ý ký biên bản làm việc mặc dù Luật sư đã giải thích rõ về nội dung, thẩm quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp.

Căn cứ quy định tại Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2021; Căn cứ nội dung đơn khiếu nại; căn cứ nội dung buổi làm việc với doanh nghiệp, Hải quan Chuyển phát nhanh đã có Công văn số 1959/CPN-ĐTTHCPN ngày 30/12/2024 trả lời doanh nghiệp về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. sau:

**2. Về thủ tục hải quan đối với 07 tờ khai nêu tại đơn khởi kiện:**

Việc làm thủ tục hải quan được thực hiện theo các quy định tại các văn bản sau:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ;

- Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T2 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ T2.

Qua tra cứu thông tin từ hệ thống, chi tiết quá trình tiếp nhận, xử lý các tờ khai nêu tại đơn khởi kiện của doanh nghiệp C4 như sau:

**2.1. Tờ khai số 105763418350 ngày 06/10/2023:**

+ Hệ thống tiếp nhận, cấp số lúc 9 giờ 28 phút 16 giây ngày 06/10/2023 (thứ sáu).

+ Tờ khai đã được tiếp nhận và công chức hoàn thành kiểm tra hồ sơ lúc "09/10/2023 10:52:02 HỒ SƠ HỢP LỆ, CHẤP NHẬN NỘI DUNG KHAI BÁO" và được thông quan đúng quy định.

**2.2.Tờ khai số 105892552731 ngày 20/11/2023:**

Hệ thống tiếp nhận, cấp số tờ khai số 105892552730 lúc 16 giờ 13 phút 20 giây ngày 20/11/2023. Mặt hàng khai báo trên tờ khai gồm 01 mục hàng là "Modul to read RFID – Đầu đọc tần số vô tuyến định danh, mới 100%", xuất xứ C, gồm 01 mục hàng, 01 bộ, đơn giá 178 USD/ bộ. Tổng trị giá lô hàng 178 USD.

Cùng ngày 20/11/2023, lúc 16 giờ 44 phút, doanh nghiệp khai sửa tờ khai như sau:

+ Sửa đơn giá tính thuế của Mục 1 tờ khai từ 178 USD/bộ thành 86USD/bộ.

+ Khai thêm mục 2 cho mặt hàng: "Modul to read RFID – Đầu đọc tần số vô tuyến định danh, mới 100%", xuất xứ China, 01 bộ, đơn giá 92 USD/bộ. Tổng trị giá lô hàng vẫn là 178 USD, tiền thuế không thay đổi.

Do doanh nghiệp sửa nên tờ khai đã nhảy số đuôi thành 105892552731.

+ Tờ khai đã được tiếp nhận và công chức hoàn thành kiểm tra hồ sơ lúc "22/11/2023 11:46:30 HỒ SƠ PHÙ HỢP. CHẤP NHẬN NỘI DUNG KHAI CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN" và được thông quan đúng quy định.

**2.3.Tờ khai 106502155100 ngày 15/8/2024:**

Hệ thống tiếp nhận tờ khai lúc 13 giờ 22 phút 31 giây ngày 15/8/2024.

Mặt hàng khai báo trên tờ khai gồm 07 mục hàng.

+ Tờ khai đã được tiếp nhận và công chức hoàn thành kiểm tra hồ sơ lúc "19/08/2024 09:10:13 KIỂM TRA HỒ SƠ PHÙ HỢP VỚI KHAI BÁO, THÔNG QUAN THEO QUY ĐỊNH./." và được thông quan đúng quy định.

**2.4.Tờ khai số 105676565961 ngày 25/8/2023:**

Hệ thống tiếp nhận, cấp số cho tờ khai 105676565960 lúc 13 giờ 22 phút 31 giây ngày **25/8/2023** (thứ 6). Mặt hàng khai báo gồm 02 mục hàng gồm:

- Mục 1: Công cụ phát triển T120 BGA324 logic lập trình được (không chứa mật mã dân sự) -KIT DEV T120 324 TRION MIPI CSI, P/N: 2134-T120F324C-DK-ND. Hàng mới 100%. Mã số hàng hóa: 8471.50.10, xuất xứ: China, số lượng: 01 cái, đơn giá: 375 USD/cái.

- Mục 2: Công cụ phát triển T20 FPGA logic lập trình được (không chứa một mã dân sự) - KIT DEV TRION T20 BGA256 EFINITY, P1:2134-T20F256C-DK-ND. Hàng mới 100%. Mã số hàng hóa: 8471.50.10, xuất xứ: China, số lượng: 01 cái, đơn giá: 150 USD/cái.

+ Ngày 28/08/2023 (thứ 2), vào lúc 14 giờ 17 phút 39 giây, doanh nghiệp tự khai sửa nội dung tờ khai 105676565960, như sau:

- Mục 1: Bộ xử lý (kit) dữ liệu máy tính T120 BGA324 gồm: tấm mạch, dây kết nối, cáp usb, remote điều khiển (không chứa mật mã dân sự)-KIT DEV T120 324 TRION MIPI CSI, P/N: 2134-T120F324C-DK-ND. Hàng mới 100%, xuất xứ: China, số lượng 01 cái, đơn giá 375USD/cái.

- Mục 2: Tấm mạch in đã hoàn chỉnh dùng cho thiết bị phát triển hệ thống nhưng trên T20 FPGA (không chứa mật mã dân sự) - KIT DEV TRION T20 BGA256 EFINITY, P/N:2134-T20F256C-DK-ND. Hàng mới 100%, xuất xứ: China, số lượng 01 cái, đơn giá 150USD/cái.

Do doanh nghiệp sửa nên tờ khai đã nhảy số đuôi thành 105676565961:

+ Tờ khai đã được tiếp nhận và công chức hoàn thành kiểm tra hồ sơ lúc "28/8/2023 14:17:39 HỒ SƠ HỢP LỆ, KHAI BÁO PHÙ HỢP, CHUYỂN KIỂM TRA THỰC TẾ THEO QUY ĐỊNH".

+ Lãnh đạo phê duyệt trên hệ thống "28/8/2023 16:00: KIỂM TRA THỰC TẾ TOÀN BỘ (100%) LÔ HÀNG. THỰC HIỆN ĐÚNG QUI TRÌNH, QUI ĐỊNH./.".

+ Công chức kiểm tra thực tế hàng hóa và hoàn thành lúc "31/08/2023 14:58:29 XUẤT XỨ: CN. SỐ LƯỢNG: 01 KIỆN = 1,6 KG. HÀNG NHẬP PHÙ HỢP KHAI BÁO và được thông quan đúng quy định.

**2.5. Tờ khai số 106009357531 ngày 08/01/2024:**

Hệ thống tiếp nhận, cấp số cho tờ khai 106009357530 lúc 14 giờ 06 phút 09 giây ngày 08/01/2024. Mặt hàng theo khai báo trên tờ khai là tấm mạch in đã lắp ráp các loại - gồm 50 dòng hàng, xuất xứ China.

Ngày 10/01/2024, lúc 14 giờ 27 phút 24 giây, doanh nghiệp khai bổ sung số mã code sản phẩm lên các dòng hàng của tờ khai. Tờ khai đã nhảy số đuôi thành 106009357531.

+ Tờ khai 106009357531 đã được tiếp nhận và công chức hoàn thành kiểm tra hồ sơ lúc 10/01/2024 16:36: HÀNG CÓ RỦI RO KHAI SAI TÊN HÀNG, NHÃN HIỆU, SỐ LƯỢNG HÀNG HÓA.ĐỀ XUẤT CHUYỂN KIỂM TRA XÁC ĐỊNH TÊN HÀNG,NHÃN HIỆU,SỐ LƯỢNG ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MẶT HÀNG,XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ R21. /.

+ Lãnh đạo phê duyệt trên hệ thống "10/01/2024 17:16: KIỂM TRA THỰC TẾ TOÀN BỘ (100%) LÔ HÀNG. THỰC HIỆN ĐÚNG QUI TRÌNH, QUI ĐỊNH./.".

+ Công chức kiểm tra thực tế hàng hóa và hoàn thành lúc "12/01/2024 15:35:21 TÊN HÀNG, MÃ SỐ HS, SỐ LƯỢNG NHƯ CHI TIẾT TRÊN TỜ KHAI. KẾT LUẬN: HÀNG NHẬP KHẨU PHÙ HỢP KHAI BÁO" và được thông quan đúng quy định.

**2.6.Tờ khai số 106679964530 ngày 28/10/2024:**

Hệ thống tiếp nhận, cấp số tờ khai lúc 14 giờ 27 phút 58 giây ngày 28/10/2024.

+ Tờ khai đã được tiếp nhận và công chức hoàn thành kiểm tra hồ sơ lúc "29/10/2024 19:38:KIỂM TRA CHI TIẾT HỒ SƠ ĐÍNH KÈM TỜ KHAI

ĐIỆN TỬ PHÙ HỢP KHAI BÁO. CHUYỂN BỘ PHẬN KIỂM TRA THỰC TẾ HÀNG HÓA".

+ Lãnh đạo phê duyệt trên hệ thống lúc "30/10/2024 09:07 KIỂM TRA THỰC TẾ TOÀN BỘ (100%) LÔ HÀNG. THỰC HIỆN ĐÚNG QUI TRÌNH, QUY ĐỊNH./.

+ Công chức kiểm tra thực tế hàng hóa và hoàn thành lúc "01/11/2024 15:53 KIỂM TRA 100%= 1 KIỆN ĐÓNG TRONG 1 CTN; ĐỐI CHIẾU ĐÚNG SỐ AWB, SỐ KIỆN, TRỌNG LƯỢNG, MÃ HS, XX. CHI TIẾT: PLTK. KẾT LUẬN: HÀNG NHẬP KIỂM TRA PHÙ HỢP KHAI BÁO NGƯỜI KHAI HẢI QUAN.".

+ Tờ khai được hệ thống tự động thông quan lúc 17 giờ 33 ngày 13/11/2024 (sau khi doanh nghiệp nộp đủ tiền thuế).

**2.7.Tờ khai số 106705165710 ngày 06/11/2024:**

Hệ thống cấp số lúc 16 giờ 32 phút 32 giây ngày 06/11/2024, mặt hàng theo khai báo trên tờ khai là: "máy xuất hóa đơn tự động, modul: BV 30, hàng mới 100%", xuất xứ China, mã số hàng hóa khai báo 9031.49.90, thuế suất thuế nhập khẩu 0%, thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%. Tổng tiền thuế phải nộp 150.540 đồng (thuế giá trị gia tăng).

Ngày 08/11/2024, lúc 08 giờ 29 phút, doanh nghiệp khai điều chỉnh mã địa điểm lưu kho từ 02DSEA0 thành 02DSED2. Do doanh nghiệp sửa nên tờ khai đã nhảy số đuôi thành 106705165711;

Ngày 11/11/2024, lúc 09 giờ 37 phút, doanh nghiệp khai sửa mã số hàng hóa từ 9031.49.90 thành 8472.90.90, có thuế suất thuế nhập khẩu 3%, thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%. Tổng tiền thuế phải nộp là 211.509 đồng (bao gồm: Thuế nhập khẩu 56.453 đồng, thuế giá trị gia tăng 155.056 đồng). Tờ khai nhảy số đuôi thành 106705165712.

Ngày 11/11/2024, lúc 12 giờ 24 phút, doanh nghiệp khai sửa mã số hàng hóa từ 8472.90.90 thành 8476.90.90, có thuế suất thuế nhập khẩu 0%, thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%. Tổng tiền thuế phải nộp là 150.540 đồng (bao gồm: Thuế nhập khẩu 0 đồng, thuế giá trị gia tăng 150.540 đồng). Tờ khai nhảy số đuôi thành 106705165713.

Ngày 12/11/2024, lúc 13 giờ 40 phút, doanh nghiệp khai bổ sung tên nhà sản xuất lên phần tên hàng thành "máy xuất hóa đơn tự động, modul: BV 30, nhà sản xuất Yirun electronic, hàng mới 100%". Tờ khai nhảy số đuôi thành 106705165714.

Ngày 12/11/2024, lúc 16 giờ 56 phút, doanh nghiệp đổi tên hàng, khai thành " Bộ phận của máy: Máy chấp nhận tiền mặt, modul: BV30, nhà sản xuất Yirun electronic, hàng mới 100%". Tờ khai nhảy đuôi thành 106705165715.

Do doanh nghiệp khai báo đổi tên hàng hóa nhập khẩu, công chức đã chuyển luồng để kiểm tra thực tế lô hàng.

+ Tờ khai đã được tiếp nhận và công chức hoàn thành kiểm tra hồ sơ lúc "13/11/2024 08:53:DN ĐỔI TÊN HÀNG, RỦI RO SAI CHỦNG LOẠI. CHƯA ĐỦ CĂN CỨ XÁC ĐỊNH NỘI DUNG KHAI BÁO. CHUYỂN KIỂM TRA THỰC TẾ XÁC ĐỊNH TÊN HÀNG, MÃ SỐ, SỐ LƯỢNG ĐÚNG THỰC TẾ HÀNG NHẬP KHẨU (R21).

+ Lãnh đạo phê duyệt trên hệ thống lúc "13/11/2024 09:18 :KIỂM TRA THỰC TẾ TOÀN BỘ (100%) LÔ HÀNG. THỰC HIỆN ĐÚNG QUI TRÌNH, QUI ĐỊNH./.".

+ Công chức kiểm tra thực tế hàng hóa và hoàn thành lúc "13/11/2024 16:16:ĐỐI CHIẾU ĐÚNG AWB.MỞ KIỂM TRA TOÀN BỘ 100% LÔ HÀNG GỒM 01 K = 0.6 KG (GW)KÝ MÃ HIỆU,XUẤT XỨ THỂ HIỆN TRÊN MARK; BAO BÌ: THÙNG CARTON; HÀNG MỚI 100%. TÊN HÀNG, MÃ SỐ HS, SỐ LƯỢNG NHƯ CHI TIẾT TRÊN TỜ KHAI. KẾT LUẬN: HÀNG NHẬP KHẨU PHÙ HỢP KHAI BÁO." và được thông quan đúng quy định.

**3. Về thủ tục khai sửa, bổ sung tờ khai hải quan:**

Các tờ khai số 105892552731 ngày 20/11/2023, 105676565961 ngày 25/08/2023 và 106009357531 ngày 08/01/2024 là các tờ khai được doanh nghiệp khai sửa bổ sung trong quá trình kiểm tra hồ sơ của cơ quan hải quan (khai bổ sung trong thông quan). Tờ khai 106705165715 ngày 06/11/2025: Do hàng hóa doanh nghiệp nhập khẩu là hàng kỹ thuật mới có trên thị trường, quá trình mở tờ khai không cung cấp đủ chứng từ (bill) lên Hệ thống Thông tin nghiệp vụ hải quan; khai báo ban đầu không đầy đủ các tiêu chí theo quy định về mô tả hàng hóa quy định tại Phụ lục Thông tư 38/2015/TT-BTC, dẫn đến việc doanh nghiệp liên tục phải khai bổ sung. Ví dụ: khai bổ sung Mã địa điểm lưu kho, khai sửa đổi mã HS, khai bổ sung tên nhà sản xuất, đổi tên hàng hóa nhập khẩu... Việc này dẫn đến công chức hải quan phải kiểm tra, đối chiếu hồ sơ nhiều lần.

(Điều 4, Phụ lục 2, Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định "Mô tả hàng hóa: (1) Ghi rõ tên hàng, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, kí/mã hiệu, đặc tính, công dụng của hàng hóa theo hợp đồng thương mại và tài liệu khác liên quan đến lô hàng.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị được phân loại theo bộ phận chính hoặc máy thực hiện chức năng chính hoặc nhóm phù hợp với chức năng chính hoặc máy hoặc hàng hóa ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời được phân loại theo nguyên chiếc thì ngoài khai như quy định tại điểm (1) cần phải ghi rõ tên chi tiết từng máy móc/thiết bị").

Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ T2 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ T2 quy định về khai bổ sung tờ khai hải quan trong thông quan như sau:

*"Điều 20. Khai bổ sung hồ sơ hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*

*Khai bổ sung hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là việc khai sửa đổi bổ sung thông tin tờ khai hải quan và nộp các chứng từ liên đến khai sửa đổi thông tin tờ khai hải quan.*

*1. Các trường hợp khai bổ sung*

*Trừ các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan không được khai bổ sung quy định tại mục 3 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này, người khai hải quan được khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan trong các trường hợp sau:*

*a) Khai bổ sung trong thông quan:*

*a.1) Người khai hải quan, người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ hải quan trước thời điểm cơ quan hải quan thông báo kết quả phân luồng tờ khai hải quan cho người khai hải quan;*

*a.2) Người khai hải quan, người nộp thuế phát hiện sai sót trong việc khai hải quan sau thời điểm cơ quan hải quan thông báo kết quả phân luồng nhưng trước khi thông quan thì được khai bổ sung hồ sơ hải quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật;*

*a.3) Người khai hải quan, người nộp thuế thực hiện khai bổ sung hồ sơ hải quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan khi cơ quan hải quan phát hiện sai sót, không phù hợp giữa thực tế hàng hóa, hồ sơ hải quan với thông tin khai báo trong quá trình kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa thì bị xử lý theo quy định của pháp luật".*

*"2. Thủ tục khai bổ sung*

*Trừ các trường hợp khai bổ sung quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này, thủ tục khai bổ sung thực hiện như sau:*

*a) Trách nhiệm người khai hải quan:*

*a.1) Khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin của tờ khai hải quan điện tử theo mẫu số 01 hoặc mẫu số 02 hoặc mẫu số 04 hoặc mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này và nộp các chứng từ liên quan đến việc khai bổ sung qua hệ thống. Trường hợp khai bổ sung trên tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan nộp 02 bản chính văn bản đề nghị khai bổ sung theo mẫu số 03/KBS/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này và 01 bản chụp các chứng từ liên quan việc khai bổ sung.*

*Khai bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan đối với trường hợp khai bổ sung theo quy định tại điểm a.3 khoản 1 Điều này...";*

*"b) Trách nhiệm của cơ quan hải quan*

*b.1) Đối với khai bổ sung trong thông quan:*

*b.1.1) Tiếp nhận hồ sơ khai bổ sung trên Hệ thống*

*b.1.2) Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận đủ hồ sơ khai bổ sung, công chức hải quan hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ khai bổ sung, thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan và thông báo kết quả kiểm tra thông qua Hệ thống, trường hợp không chấp nhận nội dung khai bổ sung thì phải nêu rõ lý do từ chối.*

*b.1.3) Xử lý vi phạm thực hiện theo quy định (nếu có)".*

Đối với 03 tờ khai số 105892552731 ngày 20/11/2023, 105676565961 ngày 25/8/2023 và 106009357531 ngày 08/01/2024.

**4. Về kiểm tra chi tiết hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa:**

Điều 23 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 quy định:

*"Điều 23. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan*

*1. Cơ quan hải quan tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan theo quy định của Luật này.*

*2. Sau khi người khai hải quan thực hiện đầy đủ các yêu cầu để làm thủ tục hải quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật này, thời hạn công chức hải quan hoàn thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải được quy định như sau:*

*a) Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;*

*b) Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hóa cho cơ quan hải quan. Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa được tính từ thời điểm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.*

*Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chủng loại hoặc việc kiểm tra phức tạp thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan quyết định việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 02 ngày".*

Căn cứ các quy định nêu trên; căn cứ các thông tin tra cứu từ hệ thống thì thời gian làm thủ tục hải quan cho các tờ khai của doanh nghiệp là phù hợp.

Việc Công ty TNHH R khởi kiện Hải quan Chuyển phát nhanh và yêu cầu bồi thường là không có cơ sở. Do đó, Hải quan Chuyển phát nhanh báo cáo Tòa

án nhân dân TP. Hồ Chí Minh và đề nghị bác toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty TNHH R.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 845/2025/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:**

*"...1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH R về việc:*

*Tuyên các hành vi gây khó khăn gồm hành vi cố tình trì hoãn việc kiểm tra dẫn đến việc chậm trễ thông quan hàng hoá, hành vi không thông báo lỗi sai cần điều chỉnh trên hệ thống, hành vi không nêu rõ lý do tạm ngừng thủ tục để làm tờ khai bổ sung trên hệ thống và hành vi thu số tiền phí 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng mà không có lý do, chứng từ, biên lai của C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực II) đối với Công ty TNHH R trong suốt quá trình thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng vào Việt Nam.*

*Huỷ Công văn số 1959/CPN-ĐTTHCPN của C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực II) ngày 30/12/2024 về việc không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của Công ty TNHH R.*

*Yêu cầu C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực I) phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền là 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng (trong 16 lần thu, với số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng trên một lần thu) mà C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực I) đã thu dư từ các nhân viên của công ty.*

*Yêu cầu C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực I) thanh toán chi phí Luật sư với số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng mà Công ty TNHH R đã chi trả để giải quyết vụ án...".*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 09/10/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo của Công ty TNHH R, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 845/2025/HC-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:** Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH R là có căn cứ; người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; xét kháng cáo của người khởi kiện và ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH R được nộp trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH R, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu tuyên các hành vi gây khó khăn trong quá trình làm thủ tục hải quan là trái pháp luật: Công ty căn cứ vào thời điểm đăng ký tờ khai và thời điểm hoàn thành kiểm tra để cho rằng các tờ khai bị trì hoãn, chậm thông quan. Cách xác định này chưa đầy đủ. Theo Điều 21 và Điều 23 Luật Hải quan, thời hạn cơ quan hải quan hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa được tính sau khi người khai hải quan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khai, nộp, xuất trình hồ sơ, chứng từ và xuất trình hàng hóa theo quy định. Trường hợp tờ khai phải sửa đổi, bổ sung, phải chuyển kiểm tra thực tế hàng hóa, hàng hóa có dấu hiệu rủi ro về tên hàng, mã số, số lượng, chính sách mặt hàng hoặc việc kiểm tra phức tạp thì quá trình xử lý phải được xem xét theo toàn bộ diễn biến trên hệ thống, không thể chỉ căn cứ vào khoảng cách ngày tháng giữa thời điểm đăng ký và thời điểm hoàn thành để suy đoán có hành vi cố tình trì hoãn.

Hồ sơ vụ án thể hiện đối với các tờ khai mà Công ty V, nhiều tờ khai có việc doanh nghiệp tự khai sửa, khai bổ sung hoặc phải kiểm tra thực tế hàng hóa. Cụ thể, tờ khai số 105892552731 được doanh nghiệp khai sửa trong ngày 20/11/2023; tờ khai số 105676565961 được doanh nghiệp khai sửa, bổ sung ngày 28/8/2023 rồi chuyển kiểm tra thực tế toàn bộ; tờ khai số 106009357531 được doanh nghiệp khai bổ sung ngày 10/01/2024 và hệ thống ghi nhận hàng có rủi ro khai sai tên hàng, nhãn hiệu, số lượng nên chuyển kiểm tra thực tế; tờ khai số 106679964530 được kiểm tra thực tế và sau đó chỉ được hệ thống tự động thông quan khi doanh nghiệp nộp đủ tiền thuế. Riêng tờ khai số 106705165715, doanh nghiệp đã nhiều lần khai điều chỉnh mã địa điểm lưu kho, mã số hàng hóa, bổ sung tên nhà sản xuất và đổi tên hàng hóa nhập khẩu; chính việc thay đổi tên hàng, mã số và nội dung khai báo là căn cứ để cơ quan Hải quan chuyển kiểm tra thực tế nhằm xác định đúng tên hàng, mã số, số lượng thực tế hàng nhập khẩu. Các diễn biến này cho thấy quá trình xử lý tờ khai phát sinh từ yêu

cầu kiểm tra, đối chiếu hồ sơ và hàng hóa cụ thể, không phải là sự im lặng hoặc cố tình kéo dài không có lý do của cơ quan Hải quan.

Mặt khác, các kết quả xử lý trên hệ thống thể hiện cơ quan Hải quan đã có ghi nhận về việc hồ sơ hợp lệ, hồ sơ phù hợp, chấp nhận nội dung khai báo, chuyển kiểm tra thực tế, phê duyệt kiểm tra thực tế và kết luận hàng nhập khẩu phù hợp khai báo. Người khởi kiện không chứng minh được thời điểm nào Công ty đã nộp đủ hồ sơ, xuất trình đủ hàng hóa nhưng công chức hải quan vẫn không kiểm tra trong thời hạn luật định; cũng không chứng minh được việc thông quan chậm là do hành vi cố ý gây khó khăn của người bị kiện chứ không phải do yêu cầu khai sửa, khai bổ sung, kiểm tra thực tế, nộp thuế hoặc các yếu tố thuộc trách nhiệm của người khai hải quan và đơn vị vận chuyển. Vì vậy, kháng cáo cho rằng người bị kiện cố tình trì hoãn việc kiểm tra, làm chậm thông quan hàng hóa là không có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu cho rằng cơ quan Hải quan không thông báo lỗi sai cần điều chỉnh trên hệ thống, không nêu rõ lý do tạm ngừng thủ tục để làm tờ khai bổ sung: Trách nhiệm khai đúng, khai đủ, mô tả chính xác tên hàng, mã số, nhãn hiệu, quy cách, thông số kỹ thuật, thành phần, model, ký mã hiệu, đặc tính, công dụng của hàng hóa trước hết thuộc về người khai hải quan. Khi doanh nghiệp tự phát hiện sai sót hoặc tự khai bổ sung trong quá trình thông quan thì không thể mặc nhiên suy diễn rằng mọi lần khai bổ sung đều do cơ quan Hải quan đã phát hiện lỗi nhưng không thông báo. Đối với những tờ khai cần kiểm tra, hệ thống đã ghi nhận nội dung xử lý, lý do chuyển kiểm tra thực tế hoặc kết quả kiểm tra. Đơn kháng cáo không xuất trình được chứng cứ chứng minh có tờ khai cụ thể nào bị cơ quan Hải quan từ chối xử lý, tạm ngừng thủ tục hoặc không chấp nhận khai bổ sung mà không nêu lý do theo quy định. Do đó, nội dung kháng cáo này không đủ cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tuyên hành vi thu số tiền 1.600.000 đồng không có lý do, chứng từ, biên lai là trái pháp luật: Công ty cho rằng trong 16 lần làm thủ tục, nhân viên Công ty phải nộp thêm 100.000 đồng/lần ngoài phí hải quan. Tuy nhiên, tài liệu chứng minh mà Công ty cung cấp chủ yếu là các đơn tường trình của nhân viên Công ty; không có chứng từ, biên lai, tài liệu ghi nhận việc giao nhận tiền, không xác định được người nhận tiền, thời điểm nhận tiền, địa điểm nhận tiền hoặc chứng cứ độc lập khác để kiểm chứng. Tại buổi làm việc ngày 25/12/2024, cơ quan Hải quan đã yêu cầu Công ty cung cấp thông tin, chứng cứ liên quan và thông tin nhân viên trực tiếp làm thủ tục để đối chất, làm rõ nhưng Công ty không cung cấp được. Trong tố tụng hành chính, việc xác định hành vi hành chính trái pháp luật phải dựa trên chứng cứ khách quan, có thể kiểm tra, đối chiếu; không thể chỉ căn cứ vào lời trình bày một phía của đương sự để buộc cơ quan nhà nước phải hoàn trả tiền và chịu trách nhiệm về hành vi chưa được chứng minh. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là đúng.

[2.4] Đối với yêu cầu hủy Công văn số 1959/CPN-ĐTTHCPN ngày 30/12/2024: Công văn nêu trên được ban hành sau khi cơ quan Hải quan tiếp nhận đơn khiếu nại của Công ty, mời đại diện Công ty làm việc và rà soát quá

trình xử lý các tờ khai trên hệ thống. Như đã phân tích, Công ty không chứng minh được có hành vi cố tình trì hoãn thông quan, không thông báo lỗi sai cần điều chỉnh, không nêu rõ lý do tạm ngừng thủ tục hoặc thu tiền trái quy định của người bị kiện. Khi các căn cứ làm phát sinh khiếu nại không được chứng minh, việc Công văn số 1959/CPN-ĐTTHCPN không chấp nhận nội dung khiếu nại của Công ty là có cơ sở. Do đó, yêu cầu hủy Công văn số 1959/CPN-ĐTTHCPN không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu buộc Đội Hải quan Chuyển phát nhanh hoàn trả số tiền 1.600.000 đồng và thanh toán chi phí luật sư 50.000.000 đồng: Đây là các yêu cầu phụ thuộc vào việc chứng minh người bị kiện có hành vi hành chính trái pháp luật gây thiệt hại cho Công ty. Do các hành vi hành chính mà Công ty nêu không được chứng minh là trái pháp luật, yêu cầu hoàn trả số tiền 1.600.000 đồng cũng không có chứng cứ chứng minh đã có việc thu, nhận tiền trái quy định. Đối với chi phí luật sư, đây là khoản chi do Công ty tự lựa chọn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; trong vụ án này, yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và không có căn cứ xác định khoản chi phí luật sư là thiệt hại trực tiếp do hành vi trái pháp luật của người bị kiện gây ra. Vì vậy, cấp sơ thẩm bác các yêu cầu này là phù hợp.

[2.6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH R phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH R; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 845/2025/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH R về việc:

- Tuyên các hành vi gây khó khăn gồm hành vi cố tình trì hoãn việc kiểm tra dẫn đến việc chậm trễ thông quan hàng hoá, hành vi không thông báo lỗi sai

cần điều chỉnh trên hệ thống, hành vi không nêu rõ lý do tạm ngừng thủ tục để làm tờ khai bổ sung trên hệ thống và hành vi thu số tiền phí 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng mà không có lý do, chứng từ, biên lai của C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực II) đối với Công ty TNHH R trong suốt quá trình thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng vào Việt Nam.

- Hủy Công văn số 1959/CPN-ĐTTHCPN của C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực II) ngày 30/12/2024 về việc không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của Công ty TNHH R.

- Yêu cầu C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực I) phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền là 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng trong 16 lần thu, với số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng trên một lần thu mà C1 đã thu dư từ các nhân viên của Công ty.

- Yêu cầu C1 (nay là Đội Hải quan Chuyển phát nhanh - Chi cục Hải quan Khu vực I) thanh toán chi phí luật sư với số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng mà Công ty TNHH R đã chi trả để giải quyết vụ án.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH R phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038934 ngày 17/11/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: DS, VP, 15b-TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Mười**